TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156 /2023/DS-ST
Ngày: 18/8/2023.
V/v: Tranh chấp "hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Nhơn.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Huỳnh Văn Hoàn.**
Ông **Nguyễn Văn Thanh.**
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị L,** sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp 1, xã PC, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp 3, xã PC, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:*

Do là chỗ quen biết, nên vào ngày 12/7/2022 (âm lịch) bà có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng. Bà T đóng được 01 tháng lãi. Khi vay tiền có làm biên nhận, bà T có ký tên vào biên nhận, trong biên nhận

ghi tên người cho vay là CH (theo tên gọi của chồng bà). Khi vay tiền bà T có thế chấp cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tênNguyễn Thị HN. Bà Thủy hứa khi nào bà cần thì bà T sẽ trả lại cho bà số tiền đã vay.

Vào ngày 17/9/2022 âm lịch, bà T đã lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà, khi lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà T có viết vào biên nhận là đã lấy lại bằng khoán đất và ký tên bên dưới.

Từ cuối năm 2022 đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu bà T trả lại số tiền đã vay nhưng bà T không trả mà cứ hứa hẹn nhằm kéo dài thời gian.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả cho bà số tiền vay 50.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi, yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên bà Nguyễn Thị T không cung cấp ý kiến cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L, xét thấy:

Bà Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả cho bà số tiền vay là 50.000.000đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà L cung cấp cho Tòa án biên nhận mượn tiền ngày 12/7/2022.

Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung biên nhận ngày 12/7/2022 thể hiện bà Nguyễn Thị T có vay của bà " CH số tiền 50.000.000đồng (theo xác nhận của chính quyền địa phương bà "CH được xác định là tên thường gọi của bà Đỗ Thị L). Có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thị HN. Ngày

17/9/2022 bà Thủy nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bên dưới biên nhận có chữ ký và viết tên của bà Nguyễn Thị T.

Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và chứng cứ do bà L giao nộp cho Tòa án là biên nhận ngày 12 tháng 7 năm 2022, nhưng bà T không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và chứng cứ do bà L giao nộp, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là chứng cứ có thật phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại biên nhận ngày 12/7/2022 không thỏa thuận thời hạn vay tiền, tuy nhiên theo bà L trình khi nào cần tiền thì bày yêu cầu bà T sẽ trả lại, từ năm 2022 bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T không trả. Xét thấy, khoản vay trên đã đến hạn, việc bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ bên vay, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay.

Từ những nhận định và phân tích như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Thủy có vay của bà Đỗ Thị L số tiền 50.000.000đồng, đến nay số tiền trên đã quá hạn trả nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L. Do đó bà L khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vay 50.000.000đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với tiền lãi: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị L.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị L số tiền 50.000.000đồng, thực hiện sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày bà Đỗ Thị L có yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Đỗ Thị L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Nhơn